TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/HS-ST
Ngày 05-7-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng

Ông Hoàng Đắc Hân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

D, sinh năm 1976 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 8, xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức Dực và bà Ngô Thị Dịp (đều đã chết); có vợ Phạm Thị Hướng và có 02 con; tiền án: Bản án số 468/HSPT ngày 22 tháng 4 năm 2002 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 07 năm tù về tội Cướp giật tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2001, D chấp hành xong hình phạt tù ngày 01 tháng 02 năm 2005, đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 22 tháng 10 năm 2004, người bị hại không có đơn yêu cầu thi hành án, chưa thi hành 50.000 đồng án phí phúc thẩm; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 368 ngày 17 tháng 10 năm 1995 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 05 năm tù về tội Cướp tài sản của công dân, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 6 năm 1995, ngày 22 tháng 10 năm 2004 D đã thi hành xong án phí hình sự

sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, người bị hại không có đơn yêu cầu thi hành án (đã được xóa án tích); Quyết định số 663 ngày 04 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyên N đưa D vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng (đã được xóa); bị bắt tạm giam từ ngày 27 tháng 4 năm 2021; có mặt.

- *Bị hại*: Anh Q, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 10, xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Đ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 31 tháng 10 năm 2020 D, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn 8, xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển kiểm soát 15N1-138.19 đến khu vực bến bãi của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Linh do anh Q, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn 10, xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng là giám đốc để gặp ông Đ, sinh năm 1953; nơi cư trú: Thôn Giữa, xã Quảng Thanh, huyện N, thành phố Hải Phòng là thuyền viên của tàu HD1502 đang neo đậu tại khu vực bến bãi của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Linh để bán kính mắt cho ông Đ, D dựng xe gần bàn đá trong bến bãi của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Linh để đi lên tàu gặp ông Đ bán kính mắt nhưng ông Đ không mua. Sau đó D rời khỏi tàu đi ra chỗ lấy xe mô tô D phát hiện thấy 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy Note 10 của anh Q để trên mặt bàn đá để đi làm vườn gần vị trí D dựng xe mô tô, D nhìn xung quanh thấy không có ai nên D đã lấy chiếc điện thoại trên cho vào túi quần đang mặc rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà. Đến khoảng 10 giờ 15 phút cùng ngày anh Q làm vườn xong đi ra khu vực bàn đá để lấy điện thoại thì phát hiện bị mất nên đã hỏi ông Đ là người làm ở tàu HD 1502 xem ai vừa đỗ xe cạnh bàn đá thì được ông Đ cho biết là D vừa đến để bán kính mắt nhưng ông Đ không mua, anh Q nhờ ông Đ gọi điện thoại cho D bảo D trả lại điện thoại cho anh Q nhưng D bảo không lấy điện thoại. Anh Q đã đến Công an xã X trình báo sự việc, Công an xã X tiến hành triệu tập D đến làm việc, D thừa nhận đã lấy chiếc điện thoại di động của anh Q và tự nguyện giao nộp cho Công an xã X.

Tiến hành xác định đặc điểm vật chứng và vị trí anh Q để chiếc điện thoại, kết quả D xác định đúng vị trí anh Q để điện thoại trên mặt bàn đá gần bờ sông thuộc khu vực bến bãi của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Linh.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12 ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 01 chiếc điện thoại, 01 ốp, tiền công làm lại sim là 9.620.000 đồng.

Về dân sự: Anh Q đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho D.

Bản cáo trạng số 75/CT-VKS ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo D về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng. Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng truy tố về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng nhưng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng trình bày lời luận tội đối với bị cáo D, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị kết tội bị cáo D về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự theo toàn bộ nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo D từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 27 tháng 4 năm 2021). Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo D. Về dân sự: Bị hại là anh Q không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N và Kiểm sát viên thu thập và tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về trình tự thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên

thu thập và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thu thập và thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, kết luận định giá tài sản số 12 ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và công bố công khai tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Ngày 31 tháng 10 năm 2020 bị cáo D đã thực hiện hành vi lén lút để chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy Note 10 của anh Q trị giá 9.620.000 đồng để trên mặt bàn đá tại khu vực bến bãi của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Linh ở thôn 10, xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng nên bị cáo D đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố và đề nghị kết tội bị cáo D về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng điều luật.

[3] Xem xét đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo và quyết định hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo D là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo D đã bị kết án về tội Cướp giật tài sản chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo D đã thành khẩn khai báo; bị hại là anh Q có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo D đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Năm 1995 bị cáo D đã bị kết án về tội Cướp tài sản của công dân. Năm 2010 bị cáo D đã bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo D, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo D phạm tội ít nghiêm trọng, tài

sản bị cáo chiếm đoạt đã được trả lại cho bị hại nhưng xét nhân thân bị cáo đã bị kết án về tội Cướp tài sản công dân và Cướp giật tài sản nhưng bị cáo D không lấy đó làm bài học để cải tạo tu dưỡng bản thân trở thành người có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội, bị cáo là người nghiện ma túy nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt trên khởi điểm của khung hình phạt cao hơn mức hình phạt theo đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa đối với bị cáo, buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét bị cáo D không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo D.

[4] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại là anh Q đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy Note 10, nay bị hại là anh Q không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo D 18 (mười tám) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 27 tháng 4 năm 2021).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- PV06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện N;
- Cơ quan điều tra Công an huyện N;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Uỷ ban nhân dân cấp xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hiền